TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 19/2025/QĐST-DS	*T, ngày 26 tháng 3 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 17 tháng 3 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 05/2024/TLST-DS ngày 07-10-2024.

XÉT THẤY:

Sự thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận của các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1953; Địa chỉ: Ấp N, xã T2, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Chị Võ Thị L, sinh năm 1981; Địa chỉ: Ấp N, xã T2, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Võ Văn B, sinh năm 1953; Địa chỉ: Ấp N, xã T2, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

2. Anh Võ Văn H, sinh năm 1986; Địa chỉ: Ấp N, xã T2, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

3. Chị Cao Thị Thùy D, sinh năm 2004; Địa chỉ: Ấp N, xã T2, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị T1, ông Võ Văn B với chị Võ Thị L và chị Cao Thị Thùy D cùng thống nhất thỏa thuận như sau:

2.1. Công nhận cho bà Nguyễn Thị T1 diện tích 1.412m^2 (Phần A, B, C), thuộc thửa đất 170, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp N, xã T2, huyện T, tỉnh Trà Vinh *(Có sơ đồ khu đất đính kèm)*.

2.2. Công nhận cho bà Nguyễn Thị T1 diện tích 94,5m^2 (phần D), thuộc thửa đất 169, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại Ấp N, xã T2, huyện T, tỉnh Trà Vinh; *(Có sơ đồ khu đất đính kèm).*

2.3. Bà Nguyễn Thị T1 đồng ý hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất cho chị Võ Thị L tổng cộng bằng 376.625.000 đồng (353.000.000 đồng+ 23.625.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2.4. Về lối đi (phần D) thuộc thửa đất 169, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại Ấp N, xã T2, huyện T, tỉnh Trà Vinh chị Võ Thị L thống nhất sau 08 ngày Tòa án Bn hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, qua giai đoạn thi hành án các đương sự yêu cầu quyền sử dụng đất và tiền bồi hoàn giá trị đất, chị L tự nguyện tháo dỡ hàng rào.

2.5. **Về án phí dân sự sơ thẩm bằng 150.000 đồng;**

- Bà Nguyễn Thị T1 phải chịu 75.000 đồng án phí. Do bà Nguyễn Thị T1 là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 của Nghị quyết 326, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội nên miễn toàn bộ án phí cho bà Nguyễn Thị T1 , do bà T1 không có nộp tạm ứng án phí, nên không xử lý.

- Chị Võ Thị L phải chịu 75.000 đồng án phí.

2.6. **Về chi phí thẩm định, định giá bằng 6.655.000 đồng:** Bà Nguyễn Thị T1 tự nguyện chịu, số tiền này bà T1 đã nộp và chi xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- CCTHADS huyện T
- VKSND huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Dương Thị Mỹ Chấm